

# Trung Quốc công bố tiêu chuẩn sản phẩm cập nhật GB/T 22849-2024 cho áo thun dệt kim

Trung Quốc đã ban hành phiên bản cập nhật của tiêu chuẩn sản phẩm quốc gia dành cho áo thun dệt kim - GB/T 22849-2024. Tiêu chuẩn sửa đổi này sẽ có hiệu lực vào ngày 1/10/2024.

Cục Quản lý Tiêu chuẩn hóa Trung Quốc đã ban hành tiêu chuẩn sản phẩm quốc gia GB/T 22849-2024 - Áo thun dệt kim - như một phần trong thông báo số 1 của Trung Quốc về các tiêu chuẩn quốc gia được phê duyệt vào năm 2024. Tiêu chuẩn mới thay thế phiên bản trước đó, GB/T 22849 - 2014 và sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 10 năm 2024.

## Phạm vi

Tiêu chuẩn này áp dụng cho áo thun được làm chủ yếu từ vải dệt kim. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho áo thun dệt kim dành cho trẻ sơ sinh dưới 36 tháng tuổi.

## Nội dung vật lý và hóa học chính

Quy định bao gồm các điều khoản liên quan đến hàm lượng chất xơ, hàm lượng formaldehyde, giá trị pH, các amin thơm gây ung thư có thể phân hủy, mùi, độ bền nổ, sự thay đổi kích thước sau khi giặt/giặt khô, độ xoắn sau khi giặt, độ bền màu khi giặt bằng xà phòng và soda, độ bền màu với nước, độ bền màu với mồ hôi, độ bền màu khi cọ xát, độ bền màu với ánh sáng nhân tạo, độ bền màu khi giặt khô, độ bền màu khi chuyển màu ở các mối nối, độ bền màu của hàng dệt được làm ướt bằng mồ hôi nhân tạo (kiềm), nhuộm màu dung dịch giặt, vón cục và hình thức sau khi giặt/giặt khô. Áo phong dệt kim dành cho trẻ em từ 3 tuổi đến 14 tuổi mặc cũng phải tuân thủ các yêu cầu trong GB 31701.

## Những thay đổi kỹ thuật chính

So với GB/T 22849-2014, GB/T 22849-2024 chứa nhiều bản cập nhật, bao gồm:

*Bổ sung:*

- Thuật ngữ và định nghĩa về 'màu huỳnh quang'
- Quy tắc ghi nhãn cho các hệ thống định cỡ
- Các sản phẩm màu tự nhiên hoặc đã tẩy trắng không được kiểm tra độ bền màu khi giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda, độ bền màu với nước, độ bền màu với mồ hôi, độ bền màu khi cọ xát và độ bền màu khi giặt khô:

Mục	Yêu cầu	Phương pháp kiểm tra	Nhận xét
Độ ổn định kích thước khi giặt khô %	High : -3.0~+1.5 Class 1 : -4.0~+2.0 Pass : -5.0~+2.0	FZ/T 80007.3-2006 Section 8.1	Chỉ áp dụng cho những sản phẩm có thể giặt khô trong hướng dẫn bảo quản
Độ bền màu khi giặt khô/Cấp	Thay đổi màu sắc & nhuộm màu: High : ≥4 Class 1 : ≥3-4 Pass : ≥3	GB/T 5711	Không áp dụng cho sản phẩm có màu tự nhiên (không nhuộm) và tẩy trắng. Chỉ áp dụng cho những sản phẩm có thể giặt khô trong hướng dẫn bảo quản
Sự xuất hiện sau khi giặt khô	Các tiêu chí tương tự như các tiêu chí áp dụng cho hình thức bên ngoài sau khi giặt được quy định trong bảng 1 của tiêu chuẩn.	GB/T 22849-2024 Section 6.1.2.20	Không áp dụng cho sản phẩm màu tự nhiên (không nhuộm) và sản phẩm đã tẩy trắng. Chỉ áp dụng cho sản phẩm có ghi chú có thể giặt khô trong hướng dẫn chăm sóc
Dung dịch rửa nhuộm / Lốp	High : ≥4 Class 1 : ≥3-4 Pass : ≥3	GB/T 22849-2024 Section 6.1.2.18	Chỉ áp dụng cho vải tối màu có diện tích bằng hoặc lớn hơn 30% của sản phẩm

### *Yêu cầu đối với áo thun dệt kim trẻ em*

Yêu cầu và giải thích về sự thay đổi kích thước sau khi giặt khô, độ bền màu đối với giặt khô và hình thức bên ngoài sau khi giặt khô

Phương pháp thử sự thay đổi kích thước sau khi giặt khô

Phương pháp kiểm tra bề ngoài sau khi giặt khô

Phương pháp thử độ bền màu khi giặt khô

Yêu cầu và giải thích về nhuộm dung dịch giặt

Phương pháp thử nhuộm dung dịch rửa

Nguyên tắc phán đoán kết quả thử nghiệm và đánh giá đối với mẫu đơn

#### **Sửa đổi:**

1. Yêu cầu về khuyết tật bề ngoài

2. Yêu cầu về hướng dẫn sử dụng
3. Yêu cầu về chênh lệch kích thước ở vị trí đối xứng
4. Yêu cầu đối với khu vực may
5. Phương pháp thử độ bền màu truyền qua các mối nối
6. Yêu cầu cấp 1 về độ bền màu khi chuyển màu trong các mối nối
7. Giải thích thử nghiệm về độ xoắn sau khi giặt
8. Yêu cầu về độ xoắn sau khi giặt
9. Yêu cầu về hình thức sau khi giặt

**So với phiên bản 2014, phiên bản 2024 có những điểm bỏ đi như sau:**

1. Loại bỏ các yêu cầu về độ bền màu khi giặt và độ bền màu khi chà xát khi in.
2. Loại bỏ phương pháp kiểm tra độ bền màu truyền qua các mối nối

**So với phiên bản 2014, phiên bản 2024 có những sửa đổi sau:**

1. Sửa đổi các yêu cầu sau

<b>Mục</b>	<b>GB/T 22849-2014</b>	<b>GB/T 22849-2024</b>
Độ ổn định kích thước khi giặt /%	High : -3.0~+1.5 Class 1 : -5.0~+2.0 Pass : -6.0~+3.0	High : -3.0~+1.5 Class 1 : -4.0~+2.0 Pass : -5.0~+2.0
Độ xoắn sau khi giặt/ %	High : ≤4.0 Class 1 : ≤5.0 Pass : ≤6.0	High : ≤3.0 Class 1 : ≤4.0 Pass : ≤5.0
Độ bền màu để chuyển trong các khớp/Lớp	High : ≥4-5 Class 1 : ≥4 Pass : ≥4	High : ≥4-5 Class 1 : ≥4-5 Pass : ≥4
Ngoại hình sau khi giặt	Vùng in không bị phồng rộp, bong tróc, nứt nẻ; Chỉ may trên khu vực thêu không bị lệch nhiều; Các đồ đính đá không bị tách rời; Các phụ kiện không bị rời rạc hoặc rỉ sét.	Sự thay đổi màu sắc tổng thể không được nhỏ hơn cấp 4; Nhìn chung không có biến dạng rõ ràng; Vải không bị hư hỏng hoặc vòng sợi bị đứt; Chỉ may không bong ra; Khu vực in không được nứt, phồng rộp, bong tróc hoặc rơi ra; Các bộ phận thêu không được nhăn hoặc biến dạng nghiêm trọng; Các đường viền được gắn bằng keo không được bong ra, nhăn nheo hoặc gợn sóng; Các phụ kiện không được hư hỏng, rời rạc hoặc bị rỉ sét; Cổ áo phải phẳng và không bị biến dạng rõ ràng ở đường viền cổ áo; Các khuyết tật khác ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng ngoại hình đều không được phép.

2. Phương pháp kiểm tra đã sửa đổi:

<b>Mục</b>	<b>GB/T 22849-2014</b>	<b>GB/T 22849-2024</b>
Độ bền màu để chuyển trong khớp	Annex A	GB/T 31127-2014 Method A

***Việt Nam là thị trường cung cấp sản phẩm áo phong dệt kim hoặc móc lớn nhất cho thị trường Trung Quốc***

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong giai đoạn 2019 - 2023, xuất khẩu mặt hàng áo phong dệt kim hoặc móc của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc có xu hướng giảm. Theo đó, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng áo phong dệt kim hoặc móc của Việt Nam sang Trung Quốc giảm từ 157,6 triệu USD năm 2019 xuống còn 97,6 triệu USD vào năm 2023, giảm trung bình 11%/năm. Trong 6 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu áo phong dệt kim hoặc móc của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm 2023, đạt 56,8 triệu USD, giảm 12,6%.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Việt Nam xuất khẩu 5 chủng loại áo phong dệt kim hoặc móc chính sang Trung Quốc chủ yếu là các sản phẩm dùng cho nam giới hoặc bé trai và phụ nữ hoặc trẻ em gái từ bông hoặc từ các vật liệu khác. Trong đó, trong khi xuất khẩu hầu hết các chủng loại áo phong dệt kim của Việt Nam sang Trung Quốc giảm thì xuất khẩu áo phong, áo may ô và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc từ các vật liệu dệt khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái tăng 9,8%.

**Chủng loại áo phông dệt kim hoặc móc xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024**

Chủng loại	Năm 2023 (Nghìn USD)	So với năm 2022 (%)	6 tháng đầu năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
Áo phông, áo may ô và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc từ bông dùng cho nam giới hoặc bé trai	49.275	11,0	27.875	-17,7
Áo phông, áo may ô và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc từ bông dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái	17.321	-9,1	10.769	-16,9
Áo phông, áo may ô và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, từ các vật liệu khác	17.305	-4,7	10.657	-3,2
Áo phông, áo may ô và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc từ các vật liệu dệt khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái	13.000	4,2	7.357	9,8
Áo phông, áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, từ ramia, lanh hoặc tơ tằm	692	-78,3	119	-73,2
<b>Tổng</b>	<b>97.593</b>	<b>0,4</b>	<b>56.778</b>	<b>-12,6</b>

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

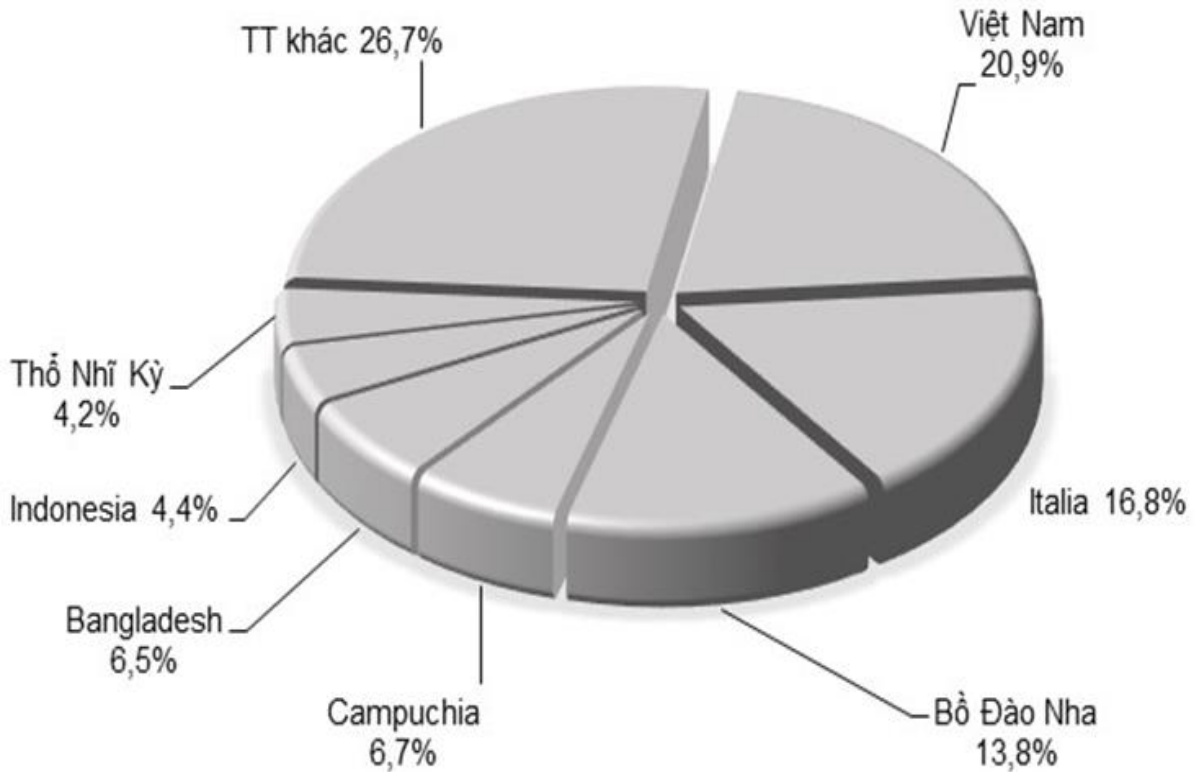
Trong khi theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, Việt Nam là thị trường chính cung cấp mặt hàng này cho Trung Quốc. Theo thống kê, nhập khẩu áo phông dệt kim hoặc móc của Trung Quốc mã HS 6109 trong 6 tháng đầu năm 2024 đạt 621 triệu USD, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm

2023. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam cao nhất, đạt 130 triệu USD, giảm 4,2% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 20,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của Trung Quốc.

Tiếp theo là nhập khẩu từ thị trường Italia đạt 104 triệu USD trong 6 tháng đầu năm 2024, đạt 104 triệu USD, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2023 và chiếm tỷ trọng 16,8% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của thị trường Trung Quốc.

### **Cơ cấu thị trường cung cấp áo dệt kim cho Trung Quốc 6 tháng đầu năm 2024**

(tỷ trọng theo trị giá)



*Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc*

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu mặt hàng mã HS 6109 từ thị trường Bồ Đào Nha đạt 85,8 triệu USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm 2023 và chiếm tỷ trọng 13,8% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của thị trường Trung Quốc.

Nhập khẩu mặt hàng mã HS 6109 của Trung Quốc 6 tháng đầu năm 2024 từ thị trường Campuchia đạt 41,5 triệu USD, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2023 và chiếm tỷ trọng 6,7% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của thị trường Trung Quốc.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu mặt hàng mã HS 6109 từ thị trường Bangladesh đạt 40,4 triệu USD, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2023 và chiếm tỷ trọng 6,5% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của thị trường Trung Quốc.

**Tham khảo trường cung cấp mặt hàng mã HS 6109 của Trung Quốc  
6 tháng đầu năm 2024**

<b>Thị trường</b>	<b>6 tháng đầu năm 2024 (Nghìn USD)</b>	<b>Tỷ trọng (%)</b>	<b>So với cùng kỳ năm 2023 (%)</b>
Việt Nam	129.694	20,9	-4,2
Italia	104.287	16,8	10,4
Bồ Đào Nha	85.827	13,8	7,9
Campuchia	41.528	6,7	13,6
Bangladesh	40.429	6,5	18,6
Indonesia	27.071	4,4	16,7
Thổ Nhĩ Kỳ	26.320	4,2	5,9
Trung Quốc	21.272	3,4	-31,7
Sri Lanka	19.108	3,1	-10,2
Thái Lan	13.852	2,2	5,9
Hàn Quốc	13.298	2,1	-14,8
Ấn Độ	10.710	1,7	20,9
Peru	10.241	1,6	-3,4
Pakistan	9.060	1,5	-15,5
Nhật Bản	7.924	1,3	12,7
Romania	6.516	1,0	48,1
Jordan	5.831	0,9	-15,5
Mỹ	5.517	0,9	14,0
Bungari	5.178	0,8	27,9
Tunisia	4.010	0,6	-13,7
Pháp	3.955	0,6	40,4
Guatemala	3.470	0,6	-8,1
Mexico	2.463	0,4	27,5
Malaysia	2.239	0,4	-18,6
Morocco	2.207	0,4	-28,7
Ai Cập	2.003	0,3	-56,9
Anh	1.942	0,3	28,0
Hondura	1.873	0,3	-45,2
Myanmar	1.847	0,3	-53,7
Montenegro	1.325	0,2	879,7
En Xanvado	1.218	0,2	-32,1
Albania	1.128	0,2	13,6

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan hải quan Trung Quốc*



Ngày 28/02/2023 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 165/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030. Đề án đặt mục tiêu tái cơ cấu ngành Công Thương nhằm thực hiện chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh; Tạo lập các động lực tăng trưởng mới gắn với chuyển biến về chất mô hình tăng trưởng của ngành Công Thương cùng một mô hình quản trị nhà nước năng động, hiệu quả, hiện đại và có tính thích ứng cao để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh và bền vững;

Một trong những định hướng chiến lược của Đề án là nâng cao khả năng đáp ứng quy định, tiêu chuẩn cao về chất lượng của các thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các bon thấp, lao động và công đoàn.